

Nhân học và vai trò của nhà nhân học

Lâm Bá Nam *

Lâm Minh Châu **

Tóm tắt: Bài viết góp phần trả lời hai câu hỏi đã được thảo luận nhiều trong giới nhân học trên thế giới, nhưng vẫn còn đang trong quá trình tranh luận trong bối cảnh Việt Nam, nơi nhân học là một ngành khoa học trẻ, và nơi mà vai trò và vị trí của nhân học vẫn còn là điều mới mẻ với số đông công chúng. Hai câu hỏi đó là: (1) Nhân học nghiên cứu cái gì? và (2) Các nhà nhân học có thể làm gì?

Từ khóa: Nhân học; văn hóa; nhà nhân học.

1. Nhân học nghiên cứu cái gì?

Nhân học là một ngành khoa học xã hội. Nhân học quan tâm đến một khía cạnh của đời sống con người. Khía cạnh đó được chúng ta nói đến hàng ngày, trong ngôn ngữ thường nhật cũng như trong giới khoa học, từ nông thôn đến thành thị, trên truyền hình, báo chí, và facebook, nhưng không phải ai cũng định nghĩa rõ ràng: đó là văn hóa của con người. Một trong những lý do nhiều đại học lớn ở phương Tây không có khoa văn hóa học bởi lẽ ngay từ đầu, nghiên cứu văn hóa đã là chủ đề nghiên cứu chính của nhân học.

Đã có rất nhiều định nghĩa về văn hóa. Theo các thống kê không chính thức, con số định nghĩa về văn hóa có thể lên đến hàng trăm. Tuy nhiên, giới nghiên cứu hiện nay tương đối thống nhất rằng, văn hóa là những cách thức ứng xử, phong tục, tập quán, tri thức do con người tạo ra và hội tụ đủ ba điều kiện: được sáng tạo và trao truyền qua các thế hệ; được chia sẻ trong một cộng đồng; và được những thành viên của cộng đồng đó tiếp nhận và thực hành với tư cách là thành viên của xã hội, thay vì thực hành một cách bản năng và với tư cách

một cá nhân đơn lẻ. Ví dụ: hắt hơi là một hành vi bản năng của một cá nhân đơn lẻ. Nhưng khi một người hắt hơi và lấy tay che miệng khi đứng ở chỗ đông người, đó là một hành vi văn hóa. Cái quy tắc ứng xử đó đã được trao truyền từ bố mẹ, ông bà sang con cái, được đa số những người xung quanh trong một cộng đồng coi là chuẩn mực chung cần thực hiện, và là một thói quen mà cá nhân đó học hỏi được với tư cách là thành viên của xã hội, trong mối quan hệ với những con người xung quanh mình.

Khi nói rằng nhân học nghiên cứu văn hóa thì chúng ta vẫn chưa hoàn toàn làm rõ được sự khác biệt giữa nhân học và các khoa học xã hội khác nghiên cứu về con người. Nếu chỉ nói rằng, nhân học nghiên cứu văn hóa thì đối tượng nghiên cứu của nhân học vẫn là quá rộng, trừu tượng và trùng lặp với các khoa học khác.

Vấn đề này đòi hỏi chúng ta phải làm rõ điểm thứ hai. Nhân học nghiên cứu văn hóa

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

ĐT: 0912390354. Email: namlmvnu.edu.vn.

(**) Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

theo một cách rất riêng. Trong khi các khoa học xã hội khác đều nghiên cứu văn hóa nhằm mục đích tìm ra các quy luật chung, các quy tắc phổ biến có thể áp dụng cho mọi trường hợp và bối cảnh, thì mục đích của nhân học lại là tìm hiểu sự đa dạng của văn hóa và so sánh văn hóa trong các bối cảnh khác nhau. Tìm hiểu tính đa dạng và nghiên cứu so sánh là điểm khác biệt căn bản giữa nhân học và các khoa học xã hội khác. Thay vì cho rằng có những quy tắc chung, đúng cho mọi trường hợp, thì các nhà nhân học cho rằng mỗi cộng đồng, trong từng bối cảnh cụ thể, sẽ có cách tư duy và hành xử khác nhau, và văn hóa của họ do đó rất đa dạng và khác biệt. Nếu như luật học hướng tới nghiên cứu các quy tắc chung về luật pháp, chẳng hạn như khi xét xử thì phải có các quy trình tố tụng, thu thập nhân chứng, vật chứng, thì nhân học nghiên cứu tại sao ở nhiều cộng đồng, việc xét xử lại được tiến hành theo tập quán pháp: ở một số cộng đồng Tây Nguyên từng có một tục lệ rằng khi có tranh chấp giữa hai người, thay vì tìm nhân chứng vật chứng theo cách xét xử ở các tòa án Châu Âu, Mỹ, già làng sẽ yêu cầu hai người đặt một cái lá lên tay. Sau đó, họ sẽ đồ kim loại nung chảy lên, trước sự chứng kiến của cả cộng đồng, và ai chịu thua trước là người có tội. Điều cần nhấn mạnh là: đây không phải là vấn đề văn hóa cao hay văn hóa thấp, văn minh hay lạc hậu, mà là khác biệt. Nói theo Eriksen: nhân loại ở khắp nơi trên thế giới có những mối quan tâm chung, nhưng cách thức họ giải quyết các mối quan tâm đó rất khác nhau.

Khi nói về sự khác biệt trong cách tiếp cận văn hóa như trên, chúng tôi không muốn nói rằng nhân học “độc đáo” hơn và “sáng suốt” hơn các khoa học khác trong

việc nghiên cứu văn hóa. Ngược lại, việc tìm kiếm các quy luật chung và việc nhận thức về tính đa dạng là hai mặt thống nhất của nghiên cứu học thuật. *Một mặt*, chúng ta hướng tới tìm ra những quy tắc chung, những mô hình hiệu quả nhất có thể được áp dụng rộng rãi cho toàn nhân loại. *Mặt khác*, các nhà khoa học phải luôn lưu ý rằng xã hội loài người ở mỗi khu vực, vùng miền, quốc gia là rất khác nhau. Vì thế, không thể mang một mô hình duy nhất mà áp đặt cho tất cả, và không thể cho rằng mô hình của cộng đồng mình, quốc gia mình là ưu việt, đại diện cho toàn thể nhân loại, và gò ép mọi cộng đồng, quốc gia khác phải tuân theo mô hình ấy. Nhân loại cần cả hai thứ đó: cần kinh tế học để tìm ra mô hình kinh tế hiệu quả nhất, và cần nhân học để chỉ ra rằng không thể bê nguyên các nguyên tắc của khoa kinh tế học ở Harvard để mang áp dụng vào Việt Nam.

Tất nhiên, các nhà nhân học không cho rằng sự đa dạng và khác biệt văn hóa là tuyệt đối. Khi nói văn hóa được trao truyền và chia sẻ giữa các thành viên trong cộng đồng, các nhà nhân học cũng luôn lưu ý rằng: văn hóa không đứng yên, tĩnh tại và không phải một thành tố văn hóa được cho là của cộng đồng A có nghĩa là nó chỉ được thực hành trong phạm vi cộng đồng ấy mà thôi. Trên thực tế, chính các nhà nhân học là những người tiên phong trong trào lưu hậu cấu trúc về văn hóa. Trọng tâm của trào lưu này là phê phán quan điểm chính thể luận cho rằng văn hóa là đóng khung, tĩnh tại, và các nền văn hóa là những ốc đảo, trong đó các thành tố văn hóa gắn chặt với nhau như một khối thống nhất, bền vững, khép kín, hoàn toàn tách biệt và đối lập với các văn hóa khác. Thay vào đó, các nhà nhân học cho rằng văn hóa luôn vận động,

phát triển, và các thành tố văn hóa luôn có quá trình lan truyền, giao thoa và chia sẻ, thay vì đóng khung trong một cộng đồng, trong một ranh giới quốc gia dân tộc. Thậm chí, gắn liền với quá trình toàn cầu hóa, đã có những quan điểm cho rằng sự khác biệt văn hóa sẽ ngày càng thu hẹp và cuối cùng là biến mất. Nói như Thomas Friedman, thế giới đang ngày càng phẳng. Quá trình toàn cầu hóa, sự di động xuyên biên giới của dân cư, sự dân chủ hóa công nghệ và sự di chuyển chóng mặt của thông tin qua mạng internet sẽ dẫn tới sự lan toả và chia sẻ các giá trị văn hóa. Kết quả là trong tương lai gần, sẽ không còn sự khác biệt giữa văn hóa Việt Nam và văn hóa Mỹ, khi mà ai cũng ăn Mc Donald, gọi điện bằng iphone, mặc quần jean, và dùng facebook.

Tuy nhiên, thế giới không phẳng và sự đa dạng văn hóa không biến mất dễ dàng và nhanh chóng như những gì mà các tín đồ của toàn cầu hóa như Friedman vẫn nghĩ.

Thứ nhất, mặc dù các nhà nhân học khẳng định rằng không nên coi văn hóa là đóng khung, tĩnh tại, văn hóa luôn vận động và giao thoa, nhưng điều đó hoàn toàn không có nghĩa là sự khác biệt văn hóa không tồn tại. Ngày nay, đúng là không ai có thể mô tả một “văn hóa Việt Nam” thuần nhất, đóng khung và hoàn toàn khác biệt với “văn hóa Mỹ”. Nhưng ở chiều ngược lại, không phải không còn tồn tại bất cứ khác biệt gì giữa những hành vi văn hóa được thực hành tại Mỹ và tại Việt Nam. Ngày càng có nhiều người Việt Nam mặc quần jean, dùng iphone và facebook, nhưng mặt khác, đa số người Việt Nam vẫn sống theo các giá trị gia đình thay vì tôn vinh chủ nghĩa cá nhân, thích chằm chung một bát nước mắm thay vì ăn sốt cà chua và chằm riêng mỗi người một bát, và vẫn thờ cúng

ông bà tổ tiên, thay vì chuyển sang Tin Lành hay Công giáo. Sự khác biệt tồn tại ngay cả ở những thứ tưởng chừng như đã được toàn cầu hóa. Ở Mỹ, các quán Mc Donald dành cho giới bình dân, được đặt ở những nơi ngõ ngách, bến xe ga tàu. Người ta thường mua đồ ăn ở các quán đó để mang đi ăn trên đường hơn là ăn tại chỗ. Ở Việt Nam, ngược lại, ăn ở các quán Mc Donald là một thói quen mới của giới trung lưu, các quán Mc Donald được đặt ở những nơi đắc địa, và là nơi các bạn trẻ tổ chức sinh nhật, gặp gỡ bạn bè và buôn chuyện dông dài như một biểu hiện của sành điệu và đẳng cấp.

Thứ hai, quá trình vận động và phát triển văn hóa là một quá trình hai mặt. Bên cạnh quá trình chia sẻ, giao thoa và xoá bỏ các khác biệt cũ, thì cũng đồng thời có quá trình thứ hai là sự sáng tạo các khác biệt mới. Nói như Eriksen: con người càng trở nên giống nhau thì họ càng có ý thức về sự khác biệt, và càng muốn trở nên khác biệt bằng cách tạo ra những khác biệt mới. Sự gia tăng quy mô của cộng đồng Hồi giáo ở Anh, thay vì khiến người Anh chuyển sang đạo Hồi, lại kích thích một bộ phận nhỏ người Anh da trắng sục sôi với việc bảo vệ cái mà họ gọi là “các giá trị Anh”. Ở Việt Nam, khi xe đạp còn phổ biến ở nông thôn thì giới trung lưu thành thị lấy việc sở hữu xe máy làm chuẩn mực. Khi xe máy được đại chúng hóa ở nông thôn thì giới trung lưu thành thị bắt đầu có nhu cầu xe hơi, hoặc thậm chí trở lại với xe đạp, nhưng là những chiếc xe đạp đắt tiền, sành điệu có giá vài nghìn đô la Mỹ.

Nói cách khác: khác biệt văn hóa đã, đang và sẽ luôn là vấn đề nóng bỏng, và chắc chắn, sẽ không phải một sớm một chiều mà biến mất. Và chừng nào sự khác biệt văn hóa còn tồn tại, thì kiến thức về sự

khác biệt ấy, hay nói cách khác, kiến thức nhân học, vẫn còn cần thiết với xã hội loài người, ở bất cứ không gian, thời điểm, bối cảnh mà sự khác biệt văn hóa nảy sinh và trở thành vấn đề cần giải quyết.

2. Nhà nhân học có thể làm gì?

Trong lịch sử, các tri thức nhân học, tri thức về sự khác biệt văn hóa, đã được sử dụng và ứng dụng rộng rãi ở nhiều bối cảnh khác nhau. Ứng dụng đầu tiên, và cũng là động lực cho sự ra đời của nhân học, là trong quản lý xã hội, phục vụ cho nhu cầu của giới cầm quyền thực dân Châu Âu trong quá trình chinh phục các thuộc địa Châu Á, Châu Phi và Mỹ Latinh. Khi đó, các chính quyền thực dân đều muốn áp đặt các mô hình về quản lý, tổ chức xã hội và luật pháp của Châu Âu lên các thuộc địa, vừa để thuận tiện cho việc cai trị, vừa cho rằng đó là những giá trị văn minh mà họ đem đến cho các xã hội lạc hậu kia. Tuy nhiên, các nhà cầm quyền thực dân nhanh chóng nhận ra rằng: những cư dân bản địa có cách nhìn rất khác. Và trong rất nhiều trường hợp, việc áp đặt các mô hình Châu Âu dẫn đến những phản kháng gay gắt, thậm chí đe dọa cả nền cai trị.

Điều đó khiến các nhà cầm quyền thực dân nhận ra rằng, họ cần những tri thức về sự khác biệt văn hóa, và do đó, cần tuyển dụng các nhà nhân học để tư vấn cho họ trong quá trình ra quyết định. Một trong những nhà nhân học đầu tiên được đế quốc Anh tuyển dụng là Northcote Thomas. Năm 1908, ông trở thành nhà nhân học làm việc cho chính phủ cai trị tại Sudan, có nhiệm vụ nghiên cứu những người nói tiếng Ibo và Ebo để phục vụ cho việc thay đổi chính sách từ trực trị sang gián trị. Đây là mô hình mà người Anh, trên cơ sở nhận thức được những bất cập của việc áp đặt bộ máy quản lý trực tiếp và bổ nhiệm các quan chức

da trắng làm quan cai trị ở địa phương, quyết định tuyển dụng các thủ lĩnh người bản địa thành các viên chức trong bộ máy cai trị thực dân. Theo cách thức này, các vị thủ lĩnh, tù trưởng vừa giữ nguyên cương vị của mình trong bộ máy cũ, nhưng đồng thời là những quan chức mới của chính quyền và giúp thực thi các chính sách thực dân.

Vai trò của nhà nhân học trong việc quản lý xã hội có những thay đổi lớn sau Chiến tranh thế giới thứ hai, gắn liền với quá trình phi thực dân hóa ở các thuộc địa. Quá trình này đánh dấu một trong những sự thay đổi căn bản trong quan hệ giữa các nước tư bản phát triển và các nước thuộc thế giới thứ ba: từ quan hệ giữa các đế quốc thực dân và các thuộc địa, sang quan hệ giữa những nước phát triển giàu có, đem vốn và kỹ thuật sang viện trợ cho các nước nghèo dưới danh nghĩa các dự án phát triển về y tế, kinh tế, nông nghiệp, vệ sinh, giao thông, thủy lợi. Bối cảnh tuy có khác, nhưng vấn đề về sự khác biệt văn hóa thì không đổi. Chính vì thế, càng ngày càng có nhiều các nhà nhân học được tuyển dụng trong các dự án phi chính phủ và các tổ chức phát triển, trong vai trò mới mà họ đảm nhiệm từ những năm 1950 cho đến hiện nay: làm tư vấn và chuyên gia trong các dự án phát triển.

So với thời thực dân, vai trò của các nhà nhân học trong các dự án phát triển từ những năm 1950 có điểm giống và khác. Mặt khác là trong nhiều trường hợp, nhà nhân học, thay vì là người phục vụ cho chính quyền cai trị, lại đóng vai trò là chủ thể phản biện các quyết sách của giới cầm quyền. Đa số các nhà nhân học trong nhóm này làm việc cho các tổ chức phi chính phủ (NGO) hoạt động trong các chương trình hỗ trợ người nghèo, các tộc người thiểu số, các chương trình bình đẳng giới, chăm sóc trẻ em... Vai trò của họ là phê phán và cất lên

tiếng nói phản biện, yêu cầu dừng hoặc hủy bỏ các dự án phát triển, bao gồm cả những dự án có thể đem lại lợi ích kinh tế lớn. Lý do là vì các dự án đó không phù hợp với bối cảnh văn hóa bản địa, do đó chúng có thể gây ra những hậu quả khôn lường: việc xây một đập thủy điện có thể dẫn tới tổn thất nghiêm trọng về môi trường, nguồn nước, phá hoại sinh kế của các cư dân sống ven sông, làm ảnh hưởng đến đời sống tâm linh của họ, và những mâu thuẫn tộc người nảy sinh khi di dời các cư dân trong vùng lòng hồ đến cộng cư với các cư dân địa phương tại nơi ở mới.

Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là các nhà nhân học lúc nào cũng coi phát triển là “người anh song sinh độc ác”, và nhiệm vụ của nhân học đơn thuần chỉ để phê phán và phản đối các chương trình phát triển. Ngược lại, các nhà nhân học có vai trò rất to lớn trong việc thực hiện và các dự án phát triển. Khi các dự án phát triển có thể đem lại lợi ích thực sự cho cộng đồng bản địa, thì sự tham gia của các nhà nhân học sẽ giúp giảm thiểu các tác hại, và giúp các dự án vượt qua các khác biệt văn hóa và tiến hành một cách hiệu quả. Trong một dự án phát triển nông nghiệp ở khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên sử dụng vốn vay của Ngân hàng thế giới, các chuyên gia nước ngoài gặp nhiều khó khăn khi hướng dẫn người dân địa phương cách đào hố để trồng cây sao cho đạt độ sâu cần thiết. Vấn đề này được giải quyết nhờ tư vấn của một nhà nhân học Việt Nam khi nói với các chuyên gia quốc tế rằng: “Hãy bảo họ đào xuống hai gang tay, thay vì 50 cm”.

Các chính phủ và các cơ quan phát triển không phải là những người duy nhất nhận ra vai trò của nhân học. Hiện nay, các doanh nghiệp, đặc biệt là các tập đoàn đa quốc gia, đang tuyển dụng ngày càng nhiều

nhà nhân học. Intel có một nhóm các nhà nhân học để đánh giá không phải hiệu năng của con chip, mà là những nhu cầu đa dạng của người dùng các thiết bị chạy trên chip Intel ở bên ngoài nước Mỹ, qua đó phát triển các chủng loại sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu của từng vùng: chẳng hạn như việc sản xuất một con chip cho phép các phụ huynh ở Trung Quốc khóa máy tự động khi vắng nhà để kiểm soát việc chơi game của con trẻ [7]. Google thuê các nhà nhân học để tìm hiểu tại sao rất ít người dùng sử dụng thanh công cụ tìm kiếm nâng cao của họ [8]. Danh sách này còn rất dài: Microsoft, IBM, Apple, và hàng trăm công ty khác [9].

Một ví dụ điển hình của việc sử dụng nhà nhân học để đạt được thành công trong kinh doanh là Adidas. Mười năm trước, giới lãnh đạo công ty cho rằng khách hàng mua giày Adidas dựa trên đặc tính kỹ thuật của chúng, và để đạt thành tích cao trong thể thao. Nói cách khác, họ cho rằng khách hàng của họ là các vận động viên, muốn những đôi giày có thể giúp họ chạy 100 m trong vòng 10 giây. Tuy nhiên, năm 2004, James Carnes, hiện là giám đốc sáng tạo của Adidas, gặp một nhà tư vấn người Đan Mạch, Mikkel Rasmussen, ở một hội nghị ở Oslo. Tại đây, Rasmussen đưa ra một quan điểm khác với tư duy bấy giờ của Adidas. Ông cho rằng, thứ mà đa số khách hàng cần khi mua giày không phải ở hiệu năng của nó, mà là những nhu cầu đa dạng khác. Điều này làm Carnes hứng thú, và mở ra một thập kỷ hợp tác giữ công ty Red mà Rasmussen thành lập. Red tuyển dụng chủ yếu các nhà nhân học để nghiên cứu động cơ của khách hàng. Họ đào tạo một nhóm các chuyên viên, những người sẽ dành 24 giờ mỗi ngày với các khách hàng: ăn sáng, tập yoga, chạy bộ, và tìm hiểu lý do họ mua giày và mục đích sử dụng giày. Phát hiện

của họ rất bất ngờ: đa số khách hàng mua giày để tập chạy thông thường, trong cuộc sống hàng ngày, giữ cho cơ thể cân đối, và sử dụng như một phụ kiện thời trang, hơn là một công cụ để tập thể thao và nâng cao thành tích [10]. Phát hiện này đã khiến Adidas chuyển hướng thiết kế, đầu tư mạnh vào các loại giày có kiểu dáng bắt mắt, thuận tiện cho việc đi bộ và thể dục trong thành phố, và nhờ đó, tăng đều doanh số trong một thập kỷ tiếp theo.

Đây chỉ là một ví dụ cho thấy các doanh nghiệp, tập đoàn hiện nay đang ngày càng trọng dụng các nhà nhân học. Lý do là họ hiểu rằng thành công trong kinh doanh không phải chỉ dựa trên các tính toán doanh thu bằng excel, hay những con số khô khan như mức thu nhập và các thông số kỹ thuật, mà còn là vấn đề thị hiếu, nhu cầu, những thứ rất khác biệt ở mỗi vùng miền, bối cảnh và cần có nhà nhân học để khám phá. Lấy chiếc điện thoại iphone làm ví dụ. Apple cần các chuyên gia công nghệ để thiết kế các phần mềm và phần cứng tiên tiến, cần các chuyên viên kinh doanh để tính thu nhập người dùng và định giá cho phù hợp. Nhưng họ cũng cần các nhà nhân học để quyết định rằng iphone không nên chỉ có màu trắng và đen. Thực tế, Apple đã sản xuất iphone màu vàng, một bản iphone đã bán rất chạy tại các thị trường Châu Á, nơi đang ngày càng trở thành nguồn thu chính của Apple. Và họ vừa ra mắt màu hồng trong thế hệ iphone mới nhất, iphone 6s.

Sự nhạy bén với những khác biệt văn hóa cũng là cơ sở để các nhà nhân học đóng vai trò ngày càng lớn trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại các bộ phận phụ trách chăm sóc khách hàng, quan hệ quốc tế, đối ngoại, xây dựng hình ảnh, tuyển dụng nhân sự - tất cả những nơi mà kiến thức về sự đa dạng văn hóa có thể làm nên

khác biệt giữa thành công và thất bại. Sự khác biệt này có thể thể hiện qua những chi tiết rất nhỏ. Một trưởng phòng đối ngoại của một công ty sẽ biết rằng khi đãi khách Châu Âu, Châu Mỹ, sẽ tốt hơn nếu chuẩn bị bát nước chấm riêng cho từng người, thay vì bắt họ chấm chung một bát theo lối truyền thống của ẩm thực Việt Nam, điều rất không nên theo quan niệm về vệ sinh ở các nước Châu Âu, Châu Mỹ. Trong một số trường hợp, sự thiếu kiến thức về khác biệt văn hóa có thể dẫn đến những tình huống khó xử hơn nhiều. Trong một chuyến thăm bình thường tới một thánh thất Hồi giáo ở Thổ Nhĩ Kỳ năm 2007, Chủ tịch Ngân hàng thế giới khi đó là Paul Wolfowitz đã tỏ ra bối rối khi người ta yêu cầu ông cởi giày trước khi vào thánh thất. Chuyện nhanh chóng được làm sáng tỏ khi ông cởi giày: cả hai đôi tất đều thủng một lỗ lớn ở ngón cái [11]. Lý do là trong văn hóa phương Tây, khi vào nhà thờ, người ta bỏ mũ nhưng đi giày, nhưng với các thánh thất thì ngược lại: người ta đội mũ, nhưng phải đi chân trần. Ông chủ tịch không có lỗi. Nhưng sẽ tốt hơn nhiều nếu bên cạnh ông có một nhà nhân học để chỉ ra những vấn đề đó cho ông.

Cuối cùng, kiến thức nhân học, kiến thức về sự khác biệt văn hóa, luôn cần thiết không chỉ ở những câu chuyện vĩ mô, mà trong chính đời sống hàng ngày. Một người đi du lịch, hoặc một hướng dẫn viên, cần biết rằng cần boa tiền tip ở Mỹ nhưng không nên làm thế ở Nhật Bản; nên ăn hết sạch thức ăn trên đĩa khi ở Châu Âu, Châu Mỹ để cho gia chủ biết là mình hài lòng về món ăn, nhưng ở một nước Á Đông thì rất có thể sẽ bị hiểu lầm là ăn chưa no và cần ăn tiếp. Các cô gái Việt Nam đang nô nức lấy chồng Tây và chê đàn ông Việt Nam, nếu biết kiến thức nhân học, sẽ có đôi điều

cần cân nhắc. Đúng là so với số đông đàn ông ở Việt Nam, đàn ông ở nhiều nước Châu Âu, Mỹ không ngại rửa bát, làm việc nhà, và rất lịch lãm với phụ nữ. Nhưng với họ, chuyện đưa thẻ ATM cho vợ, chuyện chồng phải lo kiếm tiền và vợ ở nhà nội trợ, hay chuyện chu cấp cho gia đình bên ngoại là một chuyện khá lạ tai. Một lần nữa, đây không phải là vấn đề đúng sai, cao thấp, mà là khác biệt và cần ứng xử cho phù hợp với từng hoàn cảnh.

3. Kết luận

Chúng tôi xin bổ sung hai điều về nghề nghiệp của các nhà nhân học. Thứ nhất, có một định kiến tồn tại từ lâu, ngay cả ở các nước có nền nhân học tiên tiến, là các nhà nhân học chỉ nghiên cứu nông thôn, các tộc người thiểu số, những nơi núi non hiểm trở, những vùng đất của nghèo đói, lạc hậu. Đó là một định kiến lỗi thời. Như đã nói, nghiên cứu nhân học không bị giới hạn trong một bối cảnh hay không gian cụ thể, mà cần thiết ở tất cả những nơi mà sự khác biệt văn hóa nảy sinh. Trong những giai đoạn đầu của nhân học, các thuộc địa, những vùng nông thôn, những vùng hẻo lánh lần đầu tiên tiếp xúc với nền văn minh Châu Âu là những điểm va chạm văn hóa chính. Nhưng gắn với quá trình toàn cầu hóa, di động dân số và giao thoa văn hóa, thì sự khác biệt bây giờ đang xuất hiện ở khắp nơi và là mảnh đất màu mỡ cho nghiên cứu của các nhà nhân học. Thứ hai, mặc dù các nhà nhân học có vai trò to lớn trong quá trình tư vấn cho các nhà quản lý nhà nước và doanh nghiệp, điều đó không có nghĩa rằng nhà nhân học đơn thuần chỉ là những người làm thuê. Tổng thống đương nhiệm của Afghanistan, Mohammad Ghani, và đương kim Chủ tịch Ngân hàng thế giới, Jim Yong Kim, là những ví dụ tiêu biểu của những người lãnh đạo xuất thân là

các nhà nhân học. Với các nhà nhân học, không có một công việc cứng và cố định. Thay vào đó, họ có thể đảm nhiệm tất cả các vị trí đòi hỏi phải có hiểu biết sâu sắc về văn hóa con người, trong tính đa dạng và phức tạp của nó.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ môn Nhân học - Đại học Quốc gia Hà Nội (2014), *Một số vấn đề về lịch sử và lý thuyết Nhân học*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
- [2] Boellstorff, T. (2008), *Coming of Age in Second Life: An Anthropologist Explores the Virtually Human*. Princeton: Princeton University Press.
- [3] Cernea, M. & S. Guggenheim (ed.) (1993), *Anthropological Approaches to Resettlement - Policy, Practice and Theory*, Boulder: Westview Press.
- [4] Clifford, J. & E. Marcus (1986), *Writing Culture*, Berkeley: University of California Press.
- [5] Eriksen, T. (1993), *Ethnicity and Nationalism*, London: Pluto Press.
- [6] Lâm Bá Nam (2005), “Các dân tộc bản địa Tây Nguyên trong và sau 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc”, *Kỉ yếu Hội thảo Việt Nam trong tiến trình thống nhất đất nước, đổi mới và hội nhập*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [7] http://www.nytimes.com/2014/02/16/technology/intels-sharp-eyed-social-scientist.html?_r=1.
- [8] <http://www.sfgate.com/business/article/Meet-Google-s-search-anthropologist-3445088.php>.
- [9] <http://www.businessinsider.com/heres-why-companies-aredesperateto-hireanthropologists-2014-3>.
- [10] <http://www.economist.com/news/business/21584002-german-firms-unusual-approach-designing-its-products-adidas-method>.
- [11] <http://www.theguardian.com/business/2007/feb/01/turkey.imf>

